

Bản án số: 65 /2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 06 – 9 – 2018  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con,

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Kim Hoa

2/ Bà Trần Ngọc Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đậu Thị Loan

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương:*** Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 760/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/8/2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Phan Nhật T, sinh năm 1988; trú tại: Khu phố B, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương, có mặt.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1994; thường trú tại: Khu phố B, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Dương; tạm trú tại: Khu phố B, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Nhật T trình bày:*

Ông T và bà Nguyễn Thị Kim N tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Bình Dương được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyền số 01/2012 ngày 18/10/2012. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Bà Ngân nói dối ông T là đi làm ở nhà hàng Dìn Ký ở phường Lái Thiêu nhưng thực chất đi làm ở những quán karaoke

khác nhau nên từ đó phát sinh mâu thuẫn. Sự việc được mẹ ruột bà N hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi.

Sau đó, ông T có nói chuyện với bà N là sẽ bỏ qua hết mọi chuyện để vợ chồng hàn gắn nhưng bà N không thừa nhận. Tiếp theo đó ông T phát hiện bà N nhắn tin tình cảm qua điện thoại cho người đàn ông khác tên C. Ông T giữ điện thoại của bà N để làm bằng chứng thì hai bên xảy ra xô xát. Sự việc phải có Công an phường B đến giải quyết. Đồng thời, vào ngày 30/8/2018, người đàn ông tên C đã gọi điện thoại hẹn gặp ông T tại quán cà phê để xác minh mối quan hệ của ông T và bà N. Vào ngày 21/7/2018 và 24/7/2018 trên trang facebook cá nhân của ông C có đăng hình ảnh thân mật của bà N và ông C

Nhận thấy không còn tình cảm với bà N, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng không thể quay về sống đoàn tụ, hạnh phúc nên ông T khởi kiện yêu cầu giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim N.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà N có 01 con chung tên Phan Nhật Anh K, sinh ngày 03/6/2013. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Ngân cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

*\* Bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt nhưng tại bản tự khai bà N trình bày:*

Bà N thống nhất với ông T về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung.

Về mâu thuẫn vợ chồng, bà N xác định vợ chồng mâu thuẫn là do bà N đi làm ở quán karaoke 10 ngày và có quen người khách tên C. Bà N và ông C chỉ nhắn tin hỏi thăm nhau bình thường như bạn bè. Đến ngày 23/6/2018, ông T có nghe được đoạn ghi âm về mối quan hệ của bà N và ông C rồi vu khống bà N ngoại tình. Trong vòng một tháng kể từ khi xảy ra mâu thuẫn, bà N có nhắn tin xin lỗi nhưng ông T không chấp nhận. Bà N xác định vẫn còn tình cảm với ông T nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra nguyên đơn còn trình bày sau tháng 6 năm 2018 bị đơn đã bỏ đi sinh sống ở đâu không rõ. Nguyên đơn một mình nuôi con cho đến nay.

Bà Ngân vắng mặt lần hai đối với việc xét xử

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 đối

với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – bà Nguyễn Thị Kim N có nơi cư trú tại phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần đối với việc xét xử nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyền số 01/2012 ngày 18/10/2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông T xác định từ khoảng giữa tháng 6/2018 giữa ông T và bà N phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà N đi làm quán karaoke có mối quan hệ với người đàn ông khác, nhắn tin tình cảm qua lại làm ông T bị tổn thương. Bà N thừa nhận có mối quan hệ với người đàn ông khác nhưng không đi quá giới hạn và có xin lỗi ông T nhưng ông T không bỏ qua. Dựa vào chứng cứ ông T cung cấp là băng ghi âm, hình ảnh có đủ cơ sở xác định lời trình bày của ông T là có căn cứ, xác định lỗi hoàn toàn là do bà N. Vào ngày 30/7/2018, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ để vợ chồng hàn gắn nhưng đến nay tình trạng hôn nhân của ông T vẫn không có gì thay đổi. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc hiện nay mỗi người có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên được xem là tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Từ khi vợ chồng mâu thuẫn, bà N đi nơi khác sinh sống. Ông T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Nhật Anh K, sinh ngày 03/6/2013.

Ông T chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt nên cháu K phát triển khỏe mạnh, bình thường, học hành đầy đủ. Căn cứ vào bảng lương thu nhập của ông T (9.804.181 đồng/tháng) có căn cứ xác định ông T có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con nên cần tiếp tục giao con chung cho ông T chăm sóc nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Phan Nhật T đối với bị đơn – bà Nguyễn Thị Kim N, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Nhật T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim N.

- Về con chung: Ông Phan Nhật T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Nhật Anh K, sinh ngày 03/6/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Nhật T về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phan Nhật T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0023836 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND phường B, thị xã A, tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Trần Huỳnh Minh Trí**